

Họ và Tên: _____ Ngày _____

Bài làm ở nhà # 6

IA UA ƯA

I . Em học những chữ sau đây. Study these words.

1. cây mía - sugarcane
2. bia - beer
3. đĩa - plate, dish
4. chia - to divide
5. nĩa - fork
6. chìa khóa - key
7. mua - to buy
8. múa - to dance
9. thua - to lose
10. mùa - season
11. mưa - rain
12. sửa chữa - to repair, to fix
13. sữa - milk
14. nữa - more, again, else
15. lựa - to choose , to pick

II. Em chọn từ hợp nghĩa và điền vào. (Fill in to complete the sentences)

chia, chìa khóa, đĩa, mía, nĩa, thua, sữa, nữa, sửa, mua

1. Mỗi buổi sáng, em uống một ly _____. (sữa, sửa)
2. Đội đá banh của Hoa _____ đội kia. (thua, thua)
3. Em hỏi Mẹ còn kẹo _____ không? (nữa, nữa)
4. Cô giáo _____ (sửa sửa) bài làm ở nhà .
5. Bà _____ (chìa, chia) kẹo cho chị Thoa và Hoa.
6. Bé không biết dùng đĩa , bé dùng _____. (nĩa , đĩa)
7. Ba quên _____ (chìa hóa, chìa khóa) ở trong xe.
8. Mẹ để con cá ở trong _____ (đĩa , đĩa).
9. Em đi chợ _____ (mưa, mua) cam, chuối và táo.
10. Em thích uống nước _____ (mía, mia).

III. Em học thuộc lòng câu tục ngữ . (please memorize)

Trời nắng tốt dưa, trời mưa tốt lúa.
Melon loves sunshine ; rice loves rain.

IV. Em đặt câu cho những từ sau đây. Make a complete sentence for each of the following words.

1. mưa.....
2. mùa.....
3. lúa
4. sửa chữa

